Câu **1**: [VD]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Tổ 1 quyên góp được 12 k g giấy vụn, tổ 2 quyên góp được gấp đôi số ki - lô - gam giấy vụn của tổ 1 . Hỏi tổng số ki - lô - gam giấy vụn mà tổ 1 và tổ 2 quyên góp được là bao nhiêu?

A. 12kg. B. 24kg.

C. 36kg.

D. 48kg.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Số k g giấy vụn tổ 2 quyên góp được là:  
12 × 2 = 24 ( k g )  
Tổng số k g giấy vụn tổ 1 và tổ 2 quyên góp là:  
12 + 24 = 36 ( k g ) .  
**Đáp án:**  
36 k g .

Câu **2**: [VD]

Chọn đáp án đúng.  
Hoa nghĩ ra một số. Biết rằng số đó chia cho 5 được kết quả rồi đem cộng với 44 thì được 55 .  
Số đó là số nào?

A. 55

B. 44 C. 15 D. 22

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (có nhớ).  
  
Số Hoa nhận được sau khi chia cho 5 là:  
55 − 44 = 11  
Số Hoa nghĩ khi chưa chia cho 5 là:  
11 × 5 = 55  
**Đáp án:**55

Câu **3**: [VD]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Minh nghĩ ra một số, biết rằng khi lấy số đó trừ đi tích của 31 và 2 thì được kết quả là 27 . Hỏi số mà Minh nghĩ ra là bao nhiêu?

A. 54

B. 89

C. 72 D. 96

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số (không nhớ).  
  
Tích của 31 và 2 là: 31 × 2 = 62  
Vì số mà Minh nghĩ ra trừ đi tích của 31 và 2 thì được kết quả là 27 nên số mà Minh nghĩ ra là tổng của 62 và 27 .  
Số cần tìm là:  
62 + 27 = 89  
**Đáp án:**  
89

Câu **4**: [VD]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Linh có 50 viên bi. Linh cho mỗi bạn Nhi, Hùng, Quân 13 viên bi. Hỏi Linh còn lại bao nhiêu viên bi?

A. 11 viên bi

B. 10 viên bi C. 12 viên bi D. 13 viên bi

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số (không nhớ).  
  
Số viên bi Linh đã cho là:  
13 × 3 = 39 (viên bi)  
Số viên bi còn lại của Linh là:  
50 − 39 = 11 (viên bi)  
**Đáp án:**  
11 viên bi

Câu **5**: [VD]

Điền số thích hợp vào ô trống  
Trong giờ học, các bạn học sinh lớp 3 C được chia đều vào các nhóm, mỗi nhóm 4 người. Khi đó có tất cả 12 nhóm và không dư bạn nào cả. Hỏi lớp 3 C có tất cả bao nhiêu bạn học sinh?  
Trả lời: lớp 3 C có tất cả [[48]] bạn học sinh.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ: Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
Số học sinh lớp 3 C là: 12 × 4 = 48 (học sinh)  
Đáp án: 48 học sinh

Câu **6**: [VD]

Chọn 1 đáp án đúng  
Mẹ nuôi 1 đàn gà có 31 con. Hôm nay mẹ mua thêm đàn ngan, biết số ngan mẹ mới mua bằng số gà nhân 2 . Hỏi đàn ngan mẹ mới mua có bao nhiêu con?

A. 70 con

B. 62 con

C. 64 con D. 76 con

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ. Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
Đàn ngan mẹ mới mua có số con là:  
31 × 2 = 62 (con)  
Đáp án: 62 con.

Câu **7**: [VD]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Độ dài của một đoạn thẳng là 21 c m . Hỏi tổng độ dài của 4 đoạn thẳng như thế bằng bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. 69cm

B. 84cm

C. 106cm D. 116cm

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số với hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Tổng độ dài của bốn đoạn thẳng như thế là:  
21 × 4 = 84 ( c m )  
**Đáp án:**  
84 c m .

Câu **8**: [VD]

Chọn đáp án đúng  
Tổ 1 có 10 học sinh, tổ 2 có 12 học sinh, tổ 3 có 11 học sinh. Cô giáo chủ nhiệm muốn mua tặng các bạn học sinh 3 tổ, mỗi bạn 3 chiếc bút. Hỏi cô giáo chủ nhiệm cần mua bao nhiêu chiếc bút cho các tổ?

A. 99

B. 30 C. 36 D. 33

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ: Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
Số bút mua tặng tổ 1 là: 10 × 3 = 30 (cái)  
Số bút mua tặng tổ 2 là: 12 × 3 = 36 (cái)  
Số bút mua tặng tổ 3 là: 11 × 3 = 33 (cái)  
Số bút cô giáo mua tặng ba tổ là: 30 + 36 + 33 = 99 (cái)  
Đáp án: 99 cái bút.

Câu **9**: [VD]

Chọn các phép tính đúng.

A. 31×2=62;

B. 34×2=68;

C. 32×2=46; D. 12×2=42

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ. Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
A number and line on a white background

Description automatically generated  
Trong đó 2 nhân 1 bằng 2 , viết 2 .  
2 nhân 3 bằng 6 , viết 6 .  
Vậy 31 × 2 = 62 ;  
Tương tự:  
34 × 2 = 68 ;  
32 × 2 = 64 ;  
12 × 2 = 24 .  
Vậy các phép tính đúng là:  
31 × 2 = 62 ;  
34 × 2 = 68 .

Câu **10**: [VD]

Chọn 1 đáp án đúng  
Mỗi tấm vải nhỏ có chiều dài 11 m còn mỗi tấm vải lớn có chiều dài 23 m . Hỏi 4 tấm vải nhỏ và 2 tấm vải lớn như thế có tổng chiều dài là?

A. 100m

B. 90m

C. 120m D. 99m

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ. Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
Tổng chiều dài 4 tấm vải nhỏ là:  
11 × 4 = 44 ( m )  
Tổng chiều dài 2 tấm vải lớn là:  
23 × 2 = 46 ( m )  
Tổng chiều dài tất cả các tấm vải là:  
44 + 46 = 90 ( m )  
Đáp án: 90 m

Câu **11**: [VD]

Cho phép nhân sau: ¯ ¯¯¯¯ ¯ 4 a × 2 = ¯ ¯¯¯ ¯ b 4 với 2 × a = 4.  
Chọn các ý đúng về a và b .

A. a<b

B. a kém b là 6 đơn vị

C. a hơn b là 6 đơn vị D. a+b<9

 b − a > 3

 b − a < 5

 a và b đều chia hết cho 2

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ. Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
Theo lí thuyết nhân số có hai chữ số với số có một chữ số:  
2 × a = 4 nên a = 4 : 2 ; a = 2 .  
2 × 4 = b nên b = 8 .  
Ta có:  
b − a = 8 − 2 = 6 nên a kém b là 6 đơn vị  
a + b = 2 + 8 = 10  
**Chọn các đáp án:**  
a < b (do 2 < 8 )  
a kém b là 6 đơn vị  
b − a > 3  
b và a đều chia hết cho 2 (do 2 : 2 = 1 và 8 : 2 = 4 ) .

Câu **12**: [VD]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Mai có 4 tập vở, mỗi tập vở có 10 quyển vở. Nếu Mai cho em 25 quyển vở thì Mai còn lại bao nhiêu quyển vở?  
Trả lời: [[15]] quyển vở.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Số quyển vở Mai có là:  
10 × 4 = 40 (quyển vở).  
Mai còn lại số quyển vở là:  
40 − 25 = 15 (quyển vở)  
Vậy số cần điền vào ô trống là 15 .  
**Đáp án:**  
15

Câu **13**: [VD]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Mẹ nuôi một đàn gà có 12 con. Hôm nay mẹ mua thêm đàn gà con. Biết số gà con mẹ mới mua nhiều gấp 2 lần số gà ban đầu. Hỏi mẹ có tất cả bao nhiêu con gà?

A. 36 con

B. 44 con C. 24 con D. 30 con

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Mẹ đã mua số con gà con là:  
12 × 2 = 24 (con)  
Tổng số con gà mẹ có là:  
12 + 24 = 36 (con)  
**Đáp án:**  
36 con

Câu **14**: [VD]

Chọn đáp án đúng.  
Một sợi dây dài 12 c m . Hỏi 3 sợi dây như vậy dài bao nhiêu xăng-ti-mét?  
3 sợi dây như vậy dài số xăng-ti-mét là:

A. 36cm

B. 63cm C. 40cm D. 50cm

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
3 sợi dây như vậy có tổng độ dài là:  
12 × 3 = 36 ( c m ) .  
Vậy ba sợi dây như vậy dài 36 c m .  
**Đáp án:**36 c m .

Câu **15**: [VD]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Có 4 bạn đến chơi nhà Mai. Mai mang ra một số kẹo mời các bạn. Mai ăn 8 cái kẹo và mỗi người bạn của Mai ăn 12 cái thì còn thừa 3 cái. Hỏi Mai mang ra tất cả bao nhiêu cái kẹo?

A. 59 cái kẹo

B. 61 cái kẹo C. 62 cái kẹo D. 60 cái kẹo

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
4 bạn ăn hết số kẹo là:  
12 × 4 = 48 (cái)  
Mai mang ra số kẹo là:  
48 + 8 + 3 = 59 (cái)  
Vậy Mai mang ra tất cả 59 cái kẹo.  
**Đáp án:**  
59 cái kẹo

Câu **16**: [VD]

Điền số thích hợp vào ô trống.  
Biết a là số lớn nhất có hai chữ số sao cho tổng các chữ số của a bằng 3 .  
Khi đó a × 3 = [[90]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có: 3 = 3 + 0 = 2 + 1 nên số có hai chữ số có tổng các chữ số bằng 3 là: 30 ; 21 ; 12.  
Vì a là số lớn nhất nên a = 30 .  
Khi đó: a × 3 = 30 × 3 = 90 .  
**Đáp án:**90 .

Câu **17**: [VD]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Để tham gia một buổi đồng diễn thể dục do nhà trường tổ chức, mỗi lớp khối 3 cử ra 5 bạn nam và 6 bạn nữ. Biết rằng trường tiểu học đó có 7 lớp khối 3 .  
Số học sinh khối 3 tham gia buổi đồng diễn thể dục là [[77]] học sinh.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Mỗi lớp khối 3 có số bạn tham gia buổi đồng diễn thể dục là:  
5 + 6 = 11 (học sinh)  
Khối 3 có số học sinh tham gia buổi đồng diễn thể dục là:  
11 × 7 = 77 (học sinh)  
Vậy số học sinh khối 3 tham gia buổi đồng diễn thể dục là 77 học sinh.  
Vậy số cần điền vào ô trống là 77.  
**Đáp án:**  
77

Câu **18**: [VD]

Điền số thích hợp vào ô trống.  
Cho lịch tháng 7 như sau:  
  
Hoa lên kế hoạch đọc 3 trang sách mỗi ngày trong tháng 7 .  
Hỏi trong tháng 7 Hoa đọc được bao nhiêu trang sách? (Biết rằng ngày nào Hoa cũng đọc sách).  
Trả lời: Trong tháng 7 Hoa đọc được [[93]] trang sách.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thấy tháng 7 có 31 ngày nên số trang sách mà Hoa đọc được trong tháng 7 là:  
31 × 3 = 93 (trang sách).  
Vậy trong tháng 7 Hoa đọc được 93 trang sách.  
**Đáp án:**93 .

Câu **19**: [VD]

Bạn hãy sắp xếp từ trên xuống dưới các phép tính theo thứ tự có kết quả tăng dần.

4 × 3 + 2

12 × 2 + 5

23 × 3 − 12

32 × 3 − 16

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
4 × 3 + 2 = 12 + 2 = 14  
12 × 2 + 5 = 24 + 5 = 29  
23 × 3 − 12 = 69 − 12 = 57  
32 × 3 − 16 = 96 − 16 = 80  
Vì 14 < 29 < 57 < 80 nên thứ tự các phép tính có kết quả tăng dần là 4 × 3 + 2 ; 12 × 2 + 5 ; 23 × 3 − 12 ; 32 × 3 − 16 .  
**Đáp án:**  
4 × 3 + 2  
12 × 2 + 5  
23 × 3 − 12  
32 × 3 − 16

Câu **20**: [VD]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Trong phép nhân 11 × 3 nếu giữ nguyên thừa số thứ nhất và lấy thừa số thứ hai nhân với 3 thì tích mới sẽ là bao nhiêu?

A. 99

B. 33 C. 66 D. 11

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Trong phép nhân **11 × 3**ta có:  
Thừa số thứ nhất là **11**.  
Thừa số thứ hai là **3**.  
Nếu lấy thừa số thứ hai nhân với 3 ta được thừa số thứ hai mới là: 3 × 3 = 9  
Tích mới là: 11 × 9 = 99  
**Đáp án:**  
99

Câu **21**: [VD]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Lớp 3 A có 2 hộp phấn, mỗi hộp phấn có 12 viên phấn. Cô giáo phát cho lớp 3 A thêm 36 viên phấn nữa. Hỏi lớp 3 A có tất cả bao nhiêu viên phấn?

A. 60 viên phấn

B. 42 viên phấn C. 58 viên phấn D. 50 viên phấn

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Hai hộp phấn có số viên phấn là:  
12 × 2 = 24 (viên phấn)  
Tổng số viên phấn lớp 3 A có là:  
24 + 36 = 60 (viên phấn)  
**Đáp án:**  
60 viên phấn

Câu **22**: [VD]

Chọn tất cả các đáp án đúng (Có thể có nhiều hơn một đáp án đúng).  
An có 10 viên bi, Hiếu có 14 viên bi, Mạnh có 12 viên bi.

A. Số bi của An nhân với 2 là 20 viên bi.

B. Tổng số bi của An và Mạnh nhân với 2 là 44 viên bi.

C. Tổng số bi của An và Hiếu nhân với 2 là 44 viên bi.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Số bi của An nhân với 2 là: 10 × 2 = 20 (viên bi).  
Tổng số bi của An và Mạnh là: 10 + 12 = 22 (viên bi).  
Tổng số bi của An và Mạnh nhân với 2 là: 22 × 2 = 44 (viên bi).  
Tổng số bi của An và Hiếu nhân là: 10 + 14 = 24 (viên bi).  
Tổng số bi của An và Hiếu nhân với 2 là: 24 × 2 = 48 (viên bi).  
**Đáp án:**  
Số bi của An nhân với 2 là 20 viên bi.  
Tổng số bi của An và Mạnh nhân với 2 là 44 viên bi.

Câu **23**: [VD]

Điền số thích hợp vào ô trống.  
Một đàn gà có 12 con gà.  
3 đàn gà  như vậy có: [[36]] con gà.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ba đàn gà có số con gà là:  
12 × 3 = 36 (con).  
**Đáp án:**36 .

Câu **24**: [VD]

Điền số thích hợp vào ô trống.  
Biết 1 tá bút chì có 12 cái bút. Vậy 3 tá bút chì có [[36]] cái bút.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ba tá bút chì có:  
12 × 3 = 36 (cái).  
Vậy 3 tá bút chì có 36 cái bút chì.  
**Đáp án:**36 .

Câu **25**: [VD]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Một thùng táo nặng 21 k g , một thùng dưa nặng 24 k g . Hỏi 4 thùng táo và 2 thùng dưa như vậy nặng bao nhiêu ki-lô-gam?  
Trả lời: [[132]] k g .

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Bốn thùng táo như vậy nặng số ki-lô-gam là:  
21 × 4 = 84 ( k g )  
Hai thùng dưa như vậy nặng số ki-lô-gam là:  
24 × 2 = 48 ( k g )  
4 thùng táo và 2 thùng dưa như vậy nặng số ki-lô-gam là:  
84 + 48 = 132 ( k g )  
**Đáp án:**  
132

Câu **26**: [VD]

Điền số thích hợp vào ô trống.  
Nam nặng 23 k g , anh trai của Nam nặng bằng số cân nặng của Nam nhân 2 . Anh trai của Nam nặng [[46]] ki-lô-gam.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Anh trai Nam nặng số ki-lô-gam là: 23 × 2 = 46 ( k g ) .  
Vậy anh trai Nam nặng 46 k g .  
**Đáp án:**46 .

Câu **27**: [VD]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
An có hai đoạn dây. Đoạn dây thứ nhất dài 2 d m 2 c m . Độ dài đoạn dây thứ hai bằng độ dài đoạn dây thứ nhất nhân với 2 . Hỏi cả hai đoạn dây dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. 66cm

B. 68cm C. 44cm D. 48cm

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Đổi: 2 d m 2 c m = 2 d m + 2 c m = 20 c m + 2 c m = 22 c m  
Đoạn dây thứ hai dài số xăng-ti-mét là:  
22 × 2 = 44 ( c m )  
Cả hai đoạn dây dài số xăng-ti-mét là:  
22 + 44 = 66 ( c m )  
Vậy cả hai đoạn dây dài 66 c m .  
**Đáp án:**  
66 c m

Câu **28**: [VD]

Chọn đáp án đúng.  
Lan nghĩ ra một số mà khi chia số đó cho 2 thì được kết quả là số nhỏ nhất có hai chữ số.  
Số mà Lan nghĩ ra là:

A. 20

B. 40 C. 60

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Số nhỏ nhất có hai chữ số là: 10 .  
Gọi số mà Lan nghĩ ra là x .  
Ta có: x : 2 = 10 .  
x = 10 × 2  
x = 20 .  
Vậy số mà Lan nghĩ ra là 20 .  
**Đáp án:**20 .

Câu **29**: [VD]

Chọn đáp án đúng.  
Hoa nghĩ ra một số, biết rằng lấy số đó cộng với tích của 12 nhân với 3 thì được kết quả là 100 . Số mà Hoa nghĩ ra là:

A. 64

B. 67 C. 74

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Kết quả của tích **12**và **3**là: 12 × 3 = 36  
Vì số cần tìm cộng với tích của 12 nhân 3 thì được kết quả là 100 nên số cần tìm là hiệu của 100 và 36 .  
Số cần tìm là:  
100 − 36 = 64  
Vậy số mà Hoa nghĩ ra là 64 .  
**Đáp án:**  
64

Câu **30**: [VD]

Bạn hãy sắp xếp từ trên xuống dưới các phép tính theo thứ tự có kết quả giảm dần.

32 × 3

23 × 3

12 × 4

21 × 2

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
32 × 3 = 96  
12 × 4 = 48  
21 × 2 = 42  
23 × 3 = 69  
Vì 96 > 69 > 48 > 42 nên thứ tự các phép tính có kết quả giảm dần là 32 × 3 ; 23 × 3 ; 12 × 4 ; 21 × 2 .  
**Đáp án:**  
32 × 3  
23 × 3  
12 × 4  
21 × 2

Câu **31**: [VD]

Sắp xếp theo thứ tự tăng dần kết quả của các phép nhân sau (theo chiều từ trên xuống dưới).

13 × 3

22 × 3

43 × 2

32 × 3

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
22 × 3 = 66  
13 × 3 = 39  
32 × 3 = 96  
43 × 2 = 86 .  
Ta thấy: 39 < 66 < 86 < 96 nên thứ tự tăng dần các tích là: 13 × 3 ; 22 × 3 ; 43 × 2 ; 32 × 3 .  
**Đáp án:**  
13 × 3 ; 22 × 3 ; 43 × 2 ; 32 × 3 .

Câu **32**: [VD]

Điền số thích hợp vào ô trống.  
Một tấm bìa hình vuông có chu vi là 24 m . Biết chu vi của tấm bìa hình chữ nhật bằng chu vi của tấm bìa hình vuông nhân với 2 . Chu vi của tấm bìa hình chữ nhật là [[48]] m .

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Chu vi của tấm bìa hình chữ nhật là: 24 × 2 = 48 ( m ) .  
Vậy chu vi của tấm bìa hình chữ nhật là 48 m .  
**Đáp án: 48 .**

Câu **33**: [VD]

Điền số thích hợp vào ô trống.  
Lớp 2A có 23 bạn nam. Lớp 2 B có số học sinh bằng số học sinh nam lớp 2 A nhân với 2 . Vậy lớp 2 B có [[46]] học sinh.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Lớp 2 B có số học sinh là: 23 × 2 = 46 (học sinh).  
Vậy lớp 2 B có 46 học sinh.  
**Đáp án:**46 .

Câu **34**: [VD]

Điền số thích hợp vào ô trống.  
Tấm vải trắng dài 42 d m , tấm vải vàng dài bằng tấm vải trắng nhân với 2 . Vậy tấm vải vàng dài [[840]] xăng-ti-mét.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Tấm vải vàng dài số đề-xi-mét là: 42 × 2 = 84 ( d m ) .  
Đổi: 84 d m = 840 c m .  
**Đáp án:**840 .

Câu **35**: [VD]

Điền số thích hợp vào ô trống.  
Một bao ngô nặng 12 k g . 4 bao ngô như thế nặng [[48]] ki-lô-gam.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Bốn bao ngô nặng số ki-lô-gam là: 12 × 4 = 48 ( k g ) .  
**Đáp án:**48 .

Câu **36**: [VD]

Bạn hãy chọn **tất cả**đáp án đúng.  
Cho hình sau:  
A rowboat with paddles and a circle

Description automatically generated  
Hỏi thuyền nào dưới đây đậu đúng bến?

A. Thuyền B. B. Thuyền D.

C. Thuyền A.

D. Thuyền C.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
12 × 3 + 4 = 36 + 4 = 40.  
11 × 4 − 14 = 44 − 14 = 30.  
20 × 2 = 40.  
14 × 2 + 22 = 28 + 22 = 50.

Do đó số 40 là kết quả của các phép tính 12 × 3 + 4 ; 20 × 2.  
Vậy thuyền đậu bến số 40 là thuyền A và thuyền C .  
**Đáp án:**  
Thuyền A.  
Thuyền C.